QUẢN LÝ GIA CÔNG HÀNG HÓA TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ - KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

HOÀNG THANH GIANG*

Bài viết phân tích và so sánh pháp luật Việt Nam, Trung Quốc về quản lý gia công hàng hóa trong thương mại quốc tế, tập trung vào nhận diện hợp đồng, quản lý nguyên liệu, dữ liệu hải quan, xuất xứ và xử lý vật tư sau gia công. Kết quả cho thấy, phạm vi gia công thương mại của Trung Quốc rộng hơn quan hệ gia công theo pháp luật Việt Nam nên không thể chuyển giao nguyên trạng mô hình quản lý. Pháp luật Việt Nam cần làm rõ trường hợp bên nhận gia công tự cung ứng nguyên liệu; đồng bộ các dẫn chiếu sau khi Nghị định số 292/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; hướng dẫn các điều khoản về tài sản trí tuệ, dữ liệu kỹ thuật và chứng minh xuất xứ, đồng thời, nâng cao khả năng sử dụng dữ liệu điện tử trong quản lý hải quan. Bài viết đề xuất hoàn thiện văn bản hướng dẫn, xây dựng điều khoản mẫu và gắn chính sách hỗ trợ sản xuất với năng lực công nghệ, tiêu chuẩn và tuân thủ pháp luật.

Từ khóa: *Gia công hàng hóa; pháp luật thương mại; hải quan điện tử; xuất xứ hàng hóa; Trung Quốc; Việt Nam.*

This article analyzes and compares Vietnamese and Chinese laws on the regulation of processing trade in international commerce, focusing on identifying processing contracts, managing raw materials, customs data, the origin of goods, and handling materials after processing. The findings indicate that the scope of processing trade in China is broader than that of processing arrangements under Vietnamese law; therefore, China's management model cannot be adopted without modification. Vietnamese law needs to clarify cases in which processors supply their own raw materials; harmonize legal cross-references following the replacement of Decree No. 69/2018/ND-CP by Decree No. 292/2026/ND-CP; provide guidance on contractual provisions concerning intellectual property, technical data, and proof of origin; and enhance the use of electronic data in customs management. The article proposes improving implementation regulations, developing model contractual clauses, and linking production-supporting policies to technological capabilities, standards, and legal compliance.

Keywords: *Goods processing; commercial law; e-customs; origin of goods; China; Viet Nam.*

NGÀY NHẬN: 10/8/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 30/10/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 18/11/2026

Email: hoangthanhgiangdhtm@gmail.com

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.372.2026.1717

1. Đặt vấn đề

Gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài làm phát sinh quan hệ hợp đồng và nghĩa vụ quản lý hàng hóa qua biên giới. *Luật Thương mại* năm 2005 quy định bản chất, quyền và nghĩa vụ của các bên; Nghị định số

* *ThS, Trường Đại học Thương mại*

292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ điều chỉnh việc nhận gia công cho thương nhân nước ngoài, đặt gia công ở nước ngoài và các thủ tục liên quan. Vì vậy, việc đánh giá pháp luật phải đặt thỏa thuận thương mại trong mối liên hệ với quản lý nguyên liệu, xuất, nhập khẩu, xuất xứ và xử lý hàng hóa (Chính phủ, 2026; Quốc hội, 2005).

Năm 2025, giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, nhưng đây không phải tốc độ tăng hoặc tỷ trọng của riêng hoạt động gia công (Cục Thống kê, 2026). Do thiếu dữ liệu tách riêng về giá trị giữ lại, lao động và chi phí tuân thủ, bài viết sử dụng phương pháp phân tích quy phạm và so sánh chức năng điều chỉnh. Nhận định về rủi ro thực thi được rút ra từ cấu trúc pháp luật không phải từ kết quả khảo sát doanh nghiệp.

2. Gia công hàng hóa trong thương mại quốc tế của Việt Nam

2.1. Khái quát pháp lý về gia công hàng hóa trong thương mại quốc tế

Điều 178 *Luật Thương mại* năm 2005 xác định bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện công đoạn sản xuất và hưởng thù lao. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 182 cho phép bên nhận gia công cung ứng nguyên liệu theo thỏa thuận. Vì vậy, nguồn nguyên liệu không phải là tiêu chí duy nhất để phân biệt hợp đồng gia công với hợp đồng mua bán hàng hóa sản xuất theo đơn đặt hàng và cần xem xét đối tượng nghĩa vụ, thù lao, quyền định đoạt sản phẩm và cách phân bổ rủi ro (Quốc hội, 2005).

Bài viết giới hạn gia công quốc tế ở quan hệ nhận gia công cho thương nhân nước ngoài và đặt gia công ở nước ngoài. Không phải mọi hợp đồng sản xuất theo đơn đặt hàng đều là hợp đồng gia công; quyền sở hữu nguyên liệu, máy móc và sản phẩm phải được xác định theo thỏa thuận và pháp luật áp dụng.

CMT, OEM, ODM và OBM mô tả vai trò của doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất. CMT tập trung vào cắt, may, hoàn thiện; OEM tổ chức sản xuất theo yêu cầu của khách hàng; ODM bổ sung thiết kế; OBM gắn với thương hiệu riêng (Gereffi & Frederick, 2010). Các mô hình kinh doanh này không thay thế việc định danh pháp lý từng hợp đồng theo *Luật Thương mại* năm 2005.

2.2. Vai trò và giới hạn của hoạt động gia công

Gia công cho phép kết hợp năng lực sản xuất trong nước với yêu cầu kỹ thuật và thị trường của đối tác. Bên đặt gia công có thể cử chuyên gia hướng dẫn, kiểm tra chất lượng; bên nhận gia công có thể cung ứng nguyên liệu và thuê thương nhân khác gia công lại. Các quyền này hỗ trợ phân công sản xuất nhưng không mặc nhiên làm phát sinh nghĩa vụ chuyển giao công nghệ, thiết kế hoặc nhãn hiệu.

Nâng cấp sản xuất phụ thuộc vào năng lực công nghệ và điều kiện hợp đồng. Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ bổ sung cơ chế hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (Chính phủ, 2025).

Rủi ro pháp lý chủ yếu liên quan đến sử dụng nguyên liệu sai mục đích, chênh lệch tồn kho, khai báo xuất xứ và xử lý vật tư sau sản xuất. Trọng tâm quản lý là xác định chủ thể cung cấp chứng cứ, dữ liệu phải đối chiếu và trách nhiệm khi hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng.

2.3. Thực trạng và những vấn đề cần hoàn thiện của pháp luật Việt Nam

Căn cứ pháp luật điều chỉnh về gia công hàng hóa trong thương mại của Việt Nam, gồm: *Luật Thương mại* năm 2005, *Luật Hải quan* năm 2014 (Quốc hội, 2014, 2017), *Luật Quản lý ngoại thương* năm 2017 (Quốc hội, 2005) và các luật sửa đổi có liên quan. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan* năm 2026 đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/3/2027(Quốc hội, 2026).

Nghị định số 292/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP. Tại Điều 31,

32, 36 và 37 lần lượt điều chỉnh nội dung hợp đồng, định mức và sử dụng nguyên liệu, gia công chuyển tiếp, thanh lý và xử lý vật tư. Khoản 4 Điều 64 cho phép tiếp tục áp dụng văn bản cấp bộ hướng dẫn nghị định cũ đến hết ngày 31/12/2026. Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05/9/2026 đã hướng dẫn một số nội dung thuộc phạm vi quản lý ngoại thương, nhưng không thay thế yêu cầu rà soát các dẫn chiếu hải quan còn gắn với nghị định cũ (Bộ Công thương, 2026).

Trong lĩnh vực hải quan, Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 sửa đổi Thông tư số 38/2015/TT-BTC và có hiệu lực từ ngày 01/02/2026. Trong đó, Điều 60 được sửa đổi cho phép doanh nghiệp lựa chọn truyền dữ liệu quản trị sản xuất cho hải quan hoặc báo cáo quyết toán theo năm tài chính; đồng thời, yêu cầu bảng quy đổi khi mã nội bộ khác mã trên tờ khai (Bộ Tài chính, 2025).

Một số vấn đề cần tập trung, đó là:

Thứ nhất, cần thống nhất cách nhận diện hợp đồng. Điều 178 *Luật Thương mại* nhấn mạnh nguyên liệu do bên đặt gia công cung ứng, trong khi Điều 182 và khoản 1 Điều 35 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP cho phép bên nhận gia công cung ứng toàn bộ nguyên liệu. Hướng dẫn phân loại cần phân biệt trường hợp doanh nghiệp hưởng phí thực hiện công đoạn với trường hợp tự mua nguyên liệu, bán sản phẩm và chịu rủi ro của giao dịch mua bán.

Thứ hai, nội dung hợp đồng tối thiểu chưa làm rõ quyền đối với thiết kế cải tiến, bí mật kinh doanh, dữ liệu kỹ thuật và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ xuất xứ. Nghị định số 292/2026/NĐ-CP đã đề cập nhãn hiệu, tên gọi xuất xứ và trách nhiệm khi ghi xuất xứ Việt Nam nhưng cần hướng dẫn cụ thể cách phân bổ quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Thứ ba, cần cập nhật dẫn chiếu về gia công chuyển tiếp. Khoản 1 Điều 63 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư số 121/2025/TT-BTC, vẫn dẫn Điều 43 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, trong khi nội dung tương ứng hiện ở Điều 36 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP. Dẫn chiếu cũ đã bất cập nhưng không đồng nghĩa toàn bộ thủ tục mất căn cứ áp dụng vì còn có cơ chế chuyển tiếp (Bộ Tài chính, 2025; Chính phủ, 2026).

Thứ tư, dữ liệu và vật tư sau gia công cần được quản lý trên nền tảng nghĩa vụ hiện có. Điều 60 yêu cầu chuẩn trao đổi dữ liệu, theo dõi nguyên liệu theo nguồn nhập và bảng quy đổi mã; Điều 64 phân biệt tiêu thụ nội địa, xuất trả, chuyển hợp đồng, tiêu hủy và chất thải. Vấn đề là liên kết hồ sơ và giải trình chênh lệch, không phải tạo thêm một hệ thống báo cáo song song (Bộ Tài chính, 2025).

3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

3.1 Quy định hiện hành về quản lý gia công hàng hóa ở Trung Quốc

(1) Cơ sở luật định và chính sách sản xuất.

Luật Ngoại thương Trung Quốc sửa đổi năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/3/2026, quy định gia công thương mại bao gồm nhập khẩu toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu để gia công, lắp ráp hoặc sửa chữa rồi tái xuất. Trường hợp không thể tái xuất, có thể chuyển sang tiêu thụ nội địa theo điều kiện pháp luật. *Luật* quy định xuất xứ ở điều khoản riêng, cho thấy, chế độ gia công không tự quyết định xuất xứ sản phẩm (Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc, 2025).

Văn bản ngày 25/12/2023 của Bộ Thương mại Trung Quốc định hướng nâng hàm lượng công nghệ, phát triển nhân lực, hỗ trợ tài chính và mở rộng thị trường cho gia công thương mại. Đây là văn bản chính sách, không phải đạo luật chuyên biệt hoặc bằng chứng cho thấy mọi doanh nghiệp đã chuyển sang thiết kế và có thương hiệu riêng (Bộ Thương mại Trung Quốc, 2023).

Kinh nghiệm phù hợp là kết hợp giám sát nguyên liệu với việc hỗ trợ năng lực sản xuất. Không thể chuyển thành nghĩa vụ chuyển giao công nghệ bắt buộc: Điều 22 *Luật Đầu tư nước ngoài Trung Quốc* yêu cầu hợp tác công nghệ dựa trên sự tự nguyện và cấm cơ

quan hành chính ép buộc chuyển giao (Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc, 2019).

(2) Giám sát nguyên liệu và dữ liệu hải quan

Quy định giám sát hàng hóa gia công thương mại theo *Lệnh số 219* năm 2014 (sửa đổi năm 2023), yêu cầu doanh nghiệp lưu chứng từ và ghi nhận quá trình nhập khẩu, lưu kho, chuyển giao, sử dụng, hao hụt, xuất khẩu. Khi tất toán, hải quan đối chiếu cả phế liệu, nguyên liệu dư, phế phẩm và sản phẩm phụ. Nghĩa vụ chứng minh vì thế bao quát toàn bộ biến động của hàng hóa (Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2023b). Đối với gia công lại, hàng hóa thuộc diện giám sát không được biến thành giao dịch bán cho bên gia công lại. Khi tiêu thụ nội địa, doanh nghiệp phải xử lý nghĩa vụ thuế và khoản lãi tương ứng. Bảo thuế là chế độ giám sát có điều kiện, không phải quyền miễn thuế vô điều kiện (Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2023b).

Quy định giám sát kết nối mạng, ban hành theo *Lệnh số 150* năm 2006 (sửa đổi năm 2023) yêu cầu thiết lập quan hệ quy đổi giữa mã vật tư nội bộ với mã hải quan; dữ liệu phải phản ánh biến động logistics, tồn kho và sản xuất. Tuy nhiên, quy định loại trừ doanh nghiệp trong khu vực giám sát hải quan đặc biệt và địa điểm giám sát bảo thuế nên không thể suy rộng cho mọi doanh nghiệp (Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2023a, 2023c).

Thông báo số 66 ngày 31/5/2024 hợp nhất phương thức sổ quản lý gia công đối với sổ mới từ ngày 01/7/2024, cho phép khai báo qua cơ chế một cửa hoặc nền tảng hải quan. Quy định giúp giảm phân tách thủ tục nhưng chưa đủ chứng minh dữ liệu đã liên thông thời gian thực hoặc chi phí tuân thủ đã giảm (Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2024a). Quy định sửa đổi theo *Lệnh số 273* năm 2024 phân biệt phế liệu, nguyên liệu dư, phế phẩm, sản phẩm phụ và hàng bảo thuế bị thiên tai, đồng thời gắn từng nhóm với phương án giám sát, xử lý. Điểm tham khảo của pháp luật Trung Quốc là quản lý theo loại và trạng thái thực tế của vật tư (Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2024c).

(3) Xuất xứ và chứng cứ về quá trình sản xuất

Điều lệ xuất xứ hàng hóa xuất, nhập khẩu của Trung Quốc sử dụng tiêu chí xuất xứ thuần túy hoặc nơi thực hiện chuyển đổi cơ bản cuối cùng; việc chuyển đổi mã số hàng hóa là tiêu chí cơ bản, có thể được bổ sung bằng tỷ lệ giá trị hoặc công đoạn sản xuất. Vì vậy, không có tỷ lệ nội địa hóa chung bắt buộc cho mọi sản phẩm gia công (Quốc vụ viện Trung Quốc, 2019). Quy định về cấp giấy chứng nhận xuất xứ theo *Lệnh số 270* ngày 30/7/2024 yêu cầu khai báo trung thực, cung cấp chứng từ và cho phép kiểm tra hợp đồng, hóa đơn, sổ sách, hồ sơ sản xuất. Quy định thừa nhận chữ ký, con dấu điện tử và đặt ra nghĩa vụ bảo vệ bí mật thương mại, thông tin cá nhân (Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2024b).

Hai nhóm chứng cứ phải được tách bạch: chứng cứ sử dụng nguyên liệu đúng chế độ phục vụ quản lý hải quan, thuế; chứng cứ về nơi và mức độ chuyển đổi phục vụ xác định xuất xứ. Nguyên liệu nhập khẩu được quản lý hợp pháp không đương nhiên làm cho sản phẩm có xuất xứ tại nước gia công; giấy chứng nhận xuất xứ cũng không loại trừ quyền xác minh của thị trường nhập khẩu (Quốc vụ viện Trung Quốc, 2019; Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2024b).

3.2. Đánh giá tương đồng và khác biệt trong pháp luật Việt Nam và Trung Quốc

Hai nước đều yêu cầu chứng minh việc sử dụng nguyên liệu và xử lý tồn kho. Cơ chế quy đổi mã nội bộ sang mã hải quan của Trung Quốc tương đồng với bảng quy đổi theo Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi của Việt Nam. Khác biệt cần được đánh giá ở phạm vi áp dụng và khả năng vận hành, không phải là sự đối lập đơn giản giữa quản lý điện tử và thủ công (Bộ Tài chính, 2025; Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2023c).

Về xuất xứ, quy định của Việt Nam tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 đã quy định hàng hóa không có xuất xứ thuần túy và công đoạn gia công, chế biến đơn giản (Chính phủ, 2018). Địa điểm sản xuất hoặc sử dụng lao động trong nước chưa đủ để xác định xuất xứ. Kinh nghiệm của Trung Quốc về kiểm tra hồ sơ và bảo mật dữ liệu không thay thế quy tắc cụ thể của từng loại hàng hóa, hiệp định và thị trường (Chính phủ, 2018; Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2024b).

Trong chính sách công nghiệp, kinh nghiệm là phải tăng khả năng tiếp cận và kiểm chứng kết quả hỗ trợ.

4. Hàm ý cho Việt Nam

Thứ nhất, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính cần hướng dẫn phân loại quan hệ gia công theo phí gia công, nguồn nguyên liệu, quyền định đoạt sản phẩm và rủi ro thương mại.

Bộ Tài chính cần cập nhật dẫn chiếu về gia công chuyển tiếp giữa khoản 1 Điều 63 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Điều 36 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP, nêu rõ căn cứ thay thế và xử lý hồ sơ chuyển tiếp. Việc rà soát phải tính đến mốc kết thúc cơ chế chuyển tiếp ngày 31/12/2026 và thời điểm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Hải quan* năm 2026 có hiệu lực ngày 01/3/2027.

Thứ hai, cần xây dựng bộ điều khoản mẫu cho hợp đồng gia công quốc tế. Điều khoản phải phân biệt tài sản trí tuệ có trước hợp đồng với thiết kế, cải tiến hình thành trong quá trình thực hiện; quy định phạm vi sử dụng, bảo mật và xóa dữ liệu kỹ thuật; kiểm soát gia công lại; phân công trách nhiệm lưu, cung cấp hồ sơ xuất xứ và phối hợp xác minh. Thỏa thuận giữa các bên không được loại trừ trách nhiệm của người khai hoặc ràng buộc cơ quan có thẩm quyền. Chỉ nên bổ sung điều khoản bắt buộc sau khi đánh giá tác động theo ngành và loại giao dịch. Hợp đồng có thiết kế hoặc công nghệ riêng cần cơ chế bảo vệ khác so với hợp đồng thực hiện công đoạn thông thường; không thể mặc nhiên buộc đối tác chuyển giao quyền sở hữu công nghệ hoặc nhãn hiệu.

Thứ ba, triển khai dữ liệu điện tử theo Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, không tạo báo cáo song song. Cơ quan hải quan cần công khai chuẩn kết nối; thống nhất bảng quy đổi mã, đơn vị tính, phiên bản định mức và dữ liệu điều chỉnh tồn kho. Dữ liệu quản trị đã được tiếp nhận hợp lệ cần được tái sử dụng cho quyết toán và xác minh, đồng thời lưu vết người thực hiện, thời điểm và căn cứ điều chỉnh.

Thứ tư, chuẩn hóa hồ sơ xuất xứ theo sản phẩm và thị trường, liên kết bảng kê nguyên liệu, mã hàng, chứng từ nguồn nguyên liệu và quy trình sản xuất với tiêu chí xuất xứ. Hướng dẫn phải phân biệt xuất xứ ưu đãi, không ưu đãi và yêu cầu của thị trường nhập khẩu; không suy đoán xuất xứ từ địa điểm xuất hàng hoặc công đoạn đóng gói, dán nhãn, lắp ráp đơn giản.

Thứ năm, liên kết xử lý vật tư sau gia công với hồ sơ hải quan và nghĩa vụ môi trường. Hướng dẫn cần phân biệt nguyên liệu dư còn sử dụng được, phế phẩm, phế liệu và chất thải; gắn lượng phát sinh với hợp đồng, phương án xử lý, đơn vị tiếp nhận, giấy phép môi trường khi cần và chứng từ hoàn thành. Cách làm này kế thừa nghĩa vụ hiện có, không đặt thêm một chế độ báo cáo độc lập.

Đối với tiêu hủy, hồ sơ quyết toán phải sử dụng kết quả giám sát và chứng từ xử lý; đối với vật tư còn giá trị, phải phân biệt chuyển hợp đồng, tái xuất và tiêu thụ nội địa. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, cần quản lý theo nhóm và trạng thái thực tế, không mặc nhiên coi mọi lượng dư là chất thải hoặc được miễn nghĩa vụ thuế.

Thứ sáu, sử dụng chính sách công nghiệp hỗ trợ để nâng cao năng lực doanh nghiệp nhận gia công. Dự án hỗ trợ theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP nên gắn với nhiệm vụ có thể kiểm chứng, như: hoàn thiện quy trình, thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm, thiết kế hoặc đào tạo kỹ thuật; kết quả không chỉ được đánh giá bằng kim ngạch xuất khẩu.

5. Kết luận

Hoàn thiện pháp luật về gia công hàng hóa quốc tế phải bắt đầu từ nhận diện đúng giao dịch và đồng bộ căn cứ pháp lý. Kinh nghiệm Trung Quốc có giá trị ở cơ chế theo dõi nguyên liệu, quy đổi dữ liệu và kiểm tra chứng từ xuất xứ với phạm vi áp dụng rõ. Việt Nam cần ưu tiên cập nhật dẫn chiếu, hướng dẫn điều khoản hợp đồng, chuẩn hóa hồ sơ xuất xứ và sử dụng hiệu quả dữ liệu quản trị sản xuất. Mỗi giải pháp phải được đánh giá tác động và kiểm chứng qua thực thi; sự tồn tại của quy phạm không thể thay thế bằng chứng về hiệu quả quản lý❐

Tài liệu tham khảo:

Bộ Công Thương (2026). *Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05/9/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026.*

Bộ Tài chính (2025). *Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.*

Bộ Thương mại Trung Quốc (2023). *Văn bản số Thương mậu phát [2023] 308 ngày 25/12/2023 về nâng cao trình độ phát triển gia công thương mại.*

Chính phủ (2018). *Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.*

Chính phủ (2025). *Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ.*

Chính phủ (2026). *Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.*

Cục Thống kê (2026). *Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025.* https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/

Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc (2019). *Luật Đầu tư nước ngoài của Trung Quốc* năm 2019.

Quốc hội (2005). *Luật Thương mại* năm 2005.

Quốc hội (2014). *Luật Hải quan* năm 2014.

Quốc hội (2017). *Luật Quản lý ngoại thương* năm 2017.

Quốc hội (2026). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan* năm 2026.

Quốc vụ viện Trung Quốc (2019). *Điều lệ về xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu của Trung Quốc.* https://fgw.sh.gov.cn/ys-gjmyb.html

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2023a). *Quyết định sửa đổi một số quy chế, Lệnh số 262* ngày 09/3/2023.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2023b). *Quy định hải quan Trung Quốc về giám sát hàng hóa gia công thương mại, Lệnh số 219 năm 2014, được sửa đổi theo Lệnh số 262* năm 2023. https://www.hengqin.gov.cn/lab/flfg/bmgz/content/post_3746589.html

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2023c). *Quy định hải quan Trung Quốc về giám sát kết nối mạng đối với doanh nghiệp gia công thương mại, Lệnh số 150 năm 2006, được sửa đổi theo Lệnh số 262* năm 2023. https://www.hengqin.gov.cn/lab/flfg/bmgz/content/post_3706351.html

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2024a). *Thông báo về những vấn đề liên quan đến hợp nhất sổ quản lý gia công thương mại, Thông báo số 66 ngày 31/5/2024.* https://www.mofcom.gov.cn/zcfb/zgdwjjmywg/art/2024/art_988bb30d27704239a144fbe8d7b60a41.html

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2024b). *Quy định về quản lý cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc, Lệnh số 270 ngày 30/7/2024.* https://www.mofcom.gov.cn/zcfb/zgdwjjmywg/art/2024/art_f3ed7b70e271489fa4a77e4a0b46a749.html

Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2024c). *Quy định hải quan Trung Quốc về quản lý phế liệu, nguyên liệu dư, phế phẩm, sản phẩm phụ và hàng bảo thuế bị thiên tai trong gia công thương mại, sửa đổi theo Lệnh số 273 năm 2024.* https://policy.mofcom.gov.cn/claw/claw-Content.shtml?id=100974

Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc (2025). *Luật Ngoại thương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* năm 2025.